TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **153**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2026/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nịnh Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T1, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T1, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nịnh Thị H và anh Nguyễn Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân xã T1, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T1, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 05/8/2011 cho chị Nịnh Thị H và anh Nguyễn Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ánh C, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 26/12/2023 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nịnh Thị H không phải

cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nịnh Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000365 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Nguyễn Ngọc T không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Minh Ngọc